

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2019

V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhân Phái.

Ông Nguyễn Đình Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, về việc: Yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/4/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Ngô Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn H và chị Trần Thị P tự nguyện yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ ngày 28/8/1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, chị P nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm. Gia đình hai bên đã H giải, nhắc nhở nhiều lần nhưng không khắc phục được. Từ tháng 3/2018 cho đến nay anh H, chị P sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc, không còn tình cảm với nhau. Nay anh H yêu cầu Tòa án không công nhận anh H và chị P là vợ chồng.

Về con chung: Anh Ngô Văn H trình bày anh và chị P có 4 người con chung: Ngô Văn V, sinh ngày 12/8/1991; Ngô Thị Thanh T, sinh ngày 18/3/1995, Ngô Thị L, sinh ngày 12/4/1996; Ngô Thị Lan P, sinh ngày 10/02/2004. Các cháu V, T, L đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Lan P cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày anh và chị P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện anh H nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện P về việc anh H, chị P không đăng ký kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu Ngô Thị Lan P, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao chứng minh nhân dân anh Ngô Văn H.

Bị đơn chị Trần Thị P trình bày: Chị P và anh H tổ chức cưới và chung sống như vợ chồng từ tháng 8/1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không khắc phục được, anh H có tình cảm với người phụ nữ khác nên chị và anh H không còn tình cảm với nhau. Từ tháng 3/2018 cho đến nay chị P và anh H sống ly thân. Chị P hoàn toàn nhất trí việc anh H yêu cầu Tòa án không công nhận anh H và chị P là vợ chồng.

Về con chung: Chị P trình bày chị và anh H có 04 người con chung, các cháu Ngô Văn V, Ngô Thị Thanh T, Ngô Thị L đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Lan P, sinh ngày 10/02/2004, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên H giải ngày 19/6/2019, anh H và chị P thống nhất giao cháu Ngô Thị Lan P cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn H và chị Trần Thị P. Giao cháu Ngô Thị Lan P cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho

đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Ngô Văn H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là chị Trần Thị P do không đăng ký kết hôn nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn H và chị Trần Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Cuộc sống chung của 2 người xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, không tin tưởng nhau, chị P nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm. Từ tháng 3/2018 cho đến nay hai người sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn không khắc phục được, hai người không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài. Anh H và chị P chung sống với nhau từ năm 1990, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn H và chị Trần Thị P.

[2.2] Về con chung: Anh H, chị P có 4 người con chung. Cháu Ngô Văn V, sinh ngày 12/8/1991; Ngô Thị Thanh T, sinh ngày 18/3/1995, Ngô Thị L, sinh ngày 12/4/1996 đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần. Anh H, chị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với cháu Ngô Thị Lan P, sinh ngày 10/02/2004. Anh H, chị P thống nhất giao cháu P cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng, hơn nữa cháu P cũng có nguyện vọng được ở với chị P nên áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu P cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị P trình bày không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định tại Điều 147 của Bộ

luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn H và chị Trần Thị P.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thị Lan P, sinh ngày 10/02/2004 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Ngô Văn H có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Trần Thị P có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Ngô Văn H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Văn H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng 600.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006506 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh H còn phải nộp thêm 300.000đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Phú Lộc;
- UBND xã L, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Trình